

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐD TT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+BK3+PPD+RP2	7:25	1+5+12+0	0+0+0+0		1+0+15+6	0+0+0+0	chuyen 3 p9- rp2chuyen 1 bk3- rp2chuyen 1 p2-rp2
2		SAVR+CTC1+CTK3	7:25	4+0+17	0+0+0		2+3+17	0+0+0	
3		AMD+P8+PPD	7:25	12+9+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
4		PVD8+CTK3+BK5	9:25	3+16+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	Tp BK5
5		GTCl+P11+P5	9:25	7+7+1	0+0+0		5+7+10	0+0+0	
6		BK16+BK14+BK4	9:25	8+14+0	0+0+0		6+14+2	0+0+0	
7		PPD+RC3+SAVR	11:25	20+1+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	CHUYEN 3 PPD- RC3
8		BK9+TD3+TD1	11:25	14+1+0	0+0+0		2+8+12	0+0+0	

TPBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Inguoi P9 về đi rc3 chuyển cuối

2/ Đi về trong ngày CTK3-2ng, AVR-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P9 - BK3 - PPD - RP2	CREW: VIỆT - N.ANH - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4644	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN NHU Y	P9	86	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN THUONG	BK3	24	1	9	3	70	63	NAM TIEN	Vietnamese
3	ĐAO MINH VƯƠNG	BK3	25-26	2	19	4	72	58	NAM TIEN	Vietnamese
4	BUI CHI LINH	BK3	22	1	8			65	NAM TIEN	Vietnamese
5	TRƯỜNG KIM TRƯỜNG	BK3	21,58	2	11			80	NAM TIEN	Vietnamese
6	LÊ VĂN LANH	BK3	23	1	10			56	NAM TIEN	Vietnamese
7	PHAN VĂN THẮNG	PPD	63	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NANG PHONG	PPD	50	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG NHẬT QUANG	PPD	57-58	2	6			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NAM HAI	PPD	53-56	4	17			72	T-TIN	Vietnamese
11	TRẦN ANH BAO	PPD	52	1	7			66	YTE	Vietnamese
12	TRẦN THANH QUANG	PPD	48	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUÂN QUY	PPD	61-62	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN KHÁC THẾ	PPD	47	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
15	PHI DUY HOAN	PPD	59	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH BINH	PPD	60	1	9			88	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VĂN GIANG	PPD	49	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC HAI	PPD	51	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	1	73	1	9	0	0	1	3	CHUYEN 3 PAX P9-RP2
2	BK3	5	322	7	57	7	142	0	1	CHUYEN 1 PAX BK3-RP2
3	PPD	12	851	17	88	0	0	15	1	CHUYEN 1 PAX PPD-RP2
4	RP2	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		18	1.246	25	154	7	142	22		
WEIGHT KG			1.246		154		142			

GRAND TOAL: 1.542 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:CTK3 - CTC1 - SAVR	CREW: LINH - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4641	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3	44	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THANH HAI (10749)	CTK3	45	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	51	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THI HANH	CTK3	42	1	4			51	ANTOAN	Vietnamese
5	TRAN DUY THONG	CTK3	43	1	3			77	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ANH DUC	CTK3	56	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
7	TO TRONG TUAN	CTK3	48	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM NAM HAI	CTK3	50	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN KIM HA	CTK3	47	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI CONG THANG	CTK3	41	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN MANH HUNG	CTK3	46	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM CONG UOC *	CTK3	52-53	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG HOANG ANH	CTK3	39	1	11			85	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN DIEM	CTK3	38	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN PHUC THE ANH	CTK3	54-55	2	12			55	KH-THAC	Vietnamese
16	VO MAU MEN	CTK3	49	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN TRUNG THANH	CTK3	40	1	7	2	40	84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THAI SON	SAVR						83	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYEN AN BINH	SAVR						70	D-HANH	Vietnamese
20	TA NGOC ANH	SAVR						70	KHOAN	Vietnamese
21	KEMPF KONSTANTIN	SAVR	84	1	3			79	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	17	1.239	19	121	2	40	11		
2	CTC1	0	0	0	0	2	40	3		
3	SAVR	4	302	1	3	0	0	8		
TOTAL		21	1.541	20	124	4	80	22		
WEIGHT KG			1.541		124		80			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

HOANG THI THUY

CREW

NGO VAN LINH

NGUYEN DUC HANH TRUNG

(Chức số 12 mang số dự phòng)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:AMD - P8 - PPD	CREW: VTHANG - N.CUONG - TOAN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4646	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN HUU TUNG LINH	AMD	64-65	2	14	3	30	68	MEC	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	79	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯƠNG LÊ ANH DUNG	AMD	66	1	12			94	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THIN	AMD	78	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VU THUAT	AMD	76	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
6	TANG VAN BA	AMD	70-71	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG PHAT	AMD	72-73	2	13			76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN LUONG HA NAM	AMD	68-69	2	8			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CONG THANH	AMD	77	1	12			63	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN GIANG	AMD	67	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOAN VAN THUONG	AMD	75	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN THU	AMD	74	1	7			68	PSV	Vietnamese
13	DUONG NGOC THUONG	P8	367-368	2	13	2	20	59	NAM TIEN	Vietnamese
14	NGUYEN PHUC TAI	P8	63-64	2	15			64	NAM TIEN	Vietnamese
15	LA HAU	P8	51,62	2	20			63	NAM TIEN	Vietnamese
16	HA THAI QUOC	P8	65-66	2	8			69	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN HUY HIEU	P8	364	1	12	1	16	81	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM NHU SANG	P8	67	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG THĂNG LONG	P8	365-366	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG MINH	P8	63	1	15			84	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VAN ĐO	P8	52	1	8			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	12	850	16	104	3	30	13		
2	P8	9	628	14	123	3	36	0		
3	PPD	0	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		21	1.478	30	227	6	66	22		
WEIGHT KG			1.478		227		66			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: NAU - 2	TO: PVD8 - CTK3 - BK5	CREW: LINH - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4642	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN VAN MANH	PVD8	01-02	2	10	3	31	65	NHATHAU	Vietnamese
2	YUKSEL SONER	PVD8	03-04	2	11			94	NHATHAU	Turkish
3	TINGGI PASARIBU	PVD8	05	1	12			63	NHATHAU	Indonesian
4	ĐINH ĐỨC TRUNG	CTK3	75	1	10			93	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔNG TIEN QUANG	CTK3	68-69	2	7			72	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THANH HOẠT	CTK3	65	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGUYỄN HOÀNG LONG	CTK3	62	1	10			88	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH TUẤN	CTK3	61	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	60	1	5			54	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	CTK3	72-73	2	20			71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN TRỌNG TUẤN	CTK3	74	1	13			84	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG BA PHƯƠNG	CTK3	66	1	13			64	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	TRANG NGỌC HAI	CTK3	67	1	13			66	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HUNG	CTK3	70-71	2	8			74	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU ĐỨC	CTK3	76-77	2	20			79	T-TIN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TIẾN	CTK3	64	1	9			60	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THOẠI	CTK3	63	1	5			61	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NGHĨA	CTK3	59	1	4			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	3	222	5	33	3	31	0		
2	CTK3	15	1.057	19	157	0	0	18		
3	BK5	0	0	0	0	3	50	4		
TOTAL		18	1.279	24	190	6	81	22		
WEIGHT KG			1.279		190		81			

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: XANH-2	TO:GTC1 - P11 - P5	CREW: QVIỆT - N.ANH - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4645	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG XUÂN HIỆU	GTC1	07	1	4	2	40	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU TAN	GTC1	08	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HIỆU TRUNG	GTC1	12-13	2	15			78	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	09	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ĐÌNH TUẤN	GTC1	10	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRI NANG	GTC1	11	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TUẤN VŨ	GTC1	06	1	6			100	PSV	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN HIỆU	P11	57	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH HÀ	P11	61	1	9	1	15	67	TRƯỜNG V	Vietnamese
10	TRƯỜNG VĂN HUAN *	P11	59	1	12	3	55	62	TRƯỜNG V	Vietnamese
11	LÊ DUY TRƯỜNG	P11	63	1	11			74	TRƯỜNG V	Vietnamese
12	NGUYEN XUÂN TUNG	P11	64	1	9			67	TRƯỜNG V	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN QUÂN	P11	60	1	9			70	TRƯỜNG V	Vietnamese
14	PHẠM ĐỨC HIỆP	P11	58	1	8			75	TRƯỜNG V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	7	540	8	49	2	40	5		
2	P11	7	492	7	70	4	70	7		
3	P5	0	0	0	0	2	25	10		
TOTAL		14	1.032	15	119	8	135	22		
WEIGHT KG			1.032		119		135			

GRAND TOAL: 1.286 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: BK16 - BK14 - BK4	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - TOAN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4647	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUU VAN SON	BK16	78	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LIEU	BK16	79	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET TIEN	BK16	77	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN HA	BK16	80	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THAI BINH	BK16	75	1	5	4	39	68	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN VAN DAT	BK16	74	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN MANH HUNG	BK16	73	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
8	VU DINH CHIEN	BK16	76	1	4			73	PSV	Vietnamese
9	DAO VAN HOAN	BK14	68	1	16			70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BO	BK14	34-35	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
11	QUACH XUAN THUONG	BK14	40-41	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN MINH TAI	BK14	42	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN THANH SON	BK14	28-29	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
14	VU THANH BINH	BK14	37	1	13			56	XAYLAP	Vietnamese
15	LE DINH PHUNG	BK14	22-23	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese
16	DO VAN SY	BK14	02,21	2	15			80	XAYLAP	Vietnamese
17	HA VAN DUC	BK14	38-39	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
18	VO VAN DAO	BK14	36	1	14			66	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI DINH SANG	BK14	24-25	2	13			48	XAYLAP	Vietnamese
20	BIEN VAN THIEN	BK14	32-33	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN QUANG PHUC	BK14	26-27	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
22	LE DANG DAO	BK14	30-31	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	8	563	8	49	4	39	6		
2	BK14	14	968	24	231	0	0	14		
3	BK4	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.531	32	280	4	39	22		
WEIGHT KG			1.531		280		39			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

PHAN NHƯ CƯỜNG

(2 pax (số 10, 22) mang pin sạc dự phòng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: PPD - RC3 - SAVR	CREW: XHOÀN - SON - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/4643	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HỒNG CƯỜNG	PPD				4	70	74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	83-84	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
3	K LY	PPD	82	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC LÂM	PPD	67	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TÀN	PPD	80	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	PPD	81	1	2			103	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	78	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRƯỜNG GIA TRI	PPD	71	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC ĐỨC THĂNG*	PPD	72	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	PPD	68	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THỎA	PPD	85-87	3	18			56	QUYẾT TH	Vietnamese
12	VŨ VĂN LỢI	PPD	74	1	10			65	QUYẾT TH	Vietnamese
13	NGÔ MINH TUẤN	PPD	73	1	4			64	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TOÀN	PPD	75-76	2	13			82	T-TIN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD	69	1	10	1	16	79	T-TIN	Vietnamese
16	LƯU QUÝ TRUNG	PPD	79	1	4			70	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN HÙNG	PPD	64	1	6			61	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	65-66	2	17			92	DUY LINH	Vietnamese
19	LÊ QUANG NINH	PPD						68	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU LUẬN	PPD	77	1	10			72	KHI	Vietnamese
21	AHNAD YUSUF BIN J.	RC3	72	1	6	1	20	75	PVGAS	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	20	1.470	23	142	5	86	17	3	CHUYEN 3 PAX PPD-RC3
2	RC3	1	75	1	6	1	20	0		
3	SAVR	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	1.545	24	148	6	106	22		
WEIGHT KG			1.545		148		106			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: TIM-3	TO: BK9 - TD3 - TD1	CREW: VIỆT - MTHAO - THÀNH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/4661	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN ĐỨC CUÔNG	BK9				5	90	84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BA PHÁT	BK9	21-22	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC ĐOAI	BK9	89	1	12			61	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HA	BK9	87-88	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN MINH DŨNG	BK9	18-19	2	15			70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ĐĂNG TIỀN	BK9	12-13	2	16			63	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN MINH TU	BK9	90	1	9	1	15	65	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ NGỌC KỶ	BK9	10-11	2	14			56	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NHẬT MINH	BK9	14-15	2	16			88	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	BK9	06	1	9	1	15	80	XAYLAP	Vietnamese
11	CÚ CHI CÔNG	BK9	23-24	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG THANH	BK9	16	1	13	1	13	61	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC ANH	BK9	08-09	2	17			78	XAYLAP	Vietnamese
14	KIỆU VĂN TUẤN	BK9	20	1	4			74	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ THANH TIỀN	TD3	86	1	14			78	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	14	979	21	179	8	133	2		
2	TD3	1	78	1	14	0	0	8		
3	TD1	0	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		15	1.057	22	193	8	133	22		
WEIGHT KG			1.057		193		133			

GRAND TOAL: 1.383 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO